

## BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM

(Ngày 21 tháng 11 năm 2024)

### I. THÔNG TIN CHUNG

#### 1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **TRẦN THỊ THU THUYẾT**. Ngày tháng năm sinh: 02/6/1981.

- Chức vụ/chức danh công tác: Bí thư Chi bộ, Hiệu trưởng trường mầm non Đa Phúc.

- Cơ quan/đơn vị công tác: Trường mầm non Đa Phúc quận Dương Kinh.

- Nơi thường trú: Tổ dân phố Phúc Hải, Phường Đa Phúc, Quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng.

- Số căn cước công dân: 03118100891, Cấp ngày 4/12/2019, Nơi cấp: Cục trưởng cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an.

#### 2. Chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **TRỊNH VĂN THUẬN**: Ngày tháng năm sinh: 22/10/1975.

- Nghề nghiệp: Giám đốc công ty cổ phần Thông Tin Phương Năm, Cổ đông chính Công Ty cổ phần Vận Tải Biển và thương mại Quốc Tế Biển Xanh.

- Nơi làm việc: Tổ dân phố Phúc Hải, Phường Đa Phúc, Quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng.

- Nơi thường trú: Tổ dân phố Phúc Hải, Phường Đa Phúc, Quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng.

- Số căn cước công dân: 031075006772, Cấp ngày 17/10/2018, Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

#### 3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

##### 3.1. Con thứ nhất (con đẻ).

- Họ và tên: **TRỊNH NHƯ PHƯƠNG**. Ngày tháng năm sinh: **18/8/2008**.

- Nơi thường trú: Tổ dân phố Phúc Hải, Phường Đa Phúc, Quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng

- Khuyết tật có hỗ trợ phụ cấp theo tháng

##### 3.2. Con thứ hai (con đẻ).

- Họ và tên: **TRỊNH BÌNH NGUYỄN**. Ngày tháng năm sinh: **22/9/2012**.

- Nơi thường trú: Tổ dân phố Phúc Hải, Phường Đa Phúc, Quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng.

- Số định danh cá nhân: 031.212.011.976

- Học sinh trường THCS: Chu Văn An

## **II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN**

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất:

1.1. Đất ở:

### **1.1.1. Thửa thứ nhất:**

- Địa chỉ: Tổ dân phố Phúc Hải, Phường Đa Phúc, Quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng

- Diện tích: **160m<sup>2</sup>**.

- Giá trị: **976.000.000 đồng (năm 2012)**

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: **AN462220 UBND quận Dương Kinh cấp ngày 20/10/2012 vào sổ: CNQSD đất 0004.**

- Thông tin khác: **Đất tự mua.**

### **1.1.2. Thửa thứ hai:**

- Địa chỉ: Tổ dân phố Phúc Hải, Phường Đa Phúc, Quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng

- Diện tích: **160 m<sup>2</sup>**.

- Giá trị: **1.600.000 đồng (năm 2017)**

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu sử dụng đất: **AN4352510 UBND quận Dương Kinh cấp ngày 12/11/2017 vào sổ: CNQSD đất 0003.**

### **1.1.3. Thửa thứ ba:**

- Địa chỉ: Tổ dân phố Phúc Hải, Phường Đa Phúc, Quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng

- Diện tích: **178 m<sup>2</sup>**.

- Giá trị: **1.900.000 đồng (năm 2019)**

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu sử dụng đất: **AN4652811 UBND quận Dương Kinh cấp ngày 12/11/2019 vào sổ: CNQSD đất 0007.**

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

### **2.1.1. Nhà ở thứ nhất:**

- Địa chỉ: Phúc Hải – Đa Phúc – Dương Kinh- Hải Phòng.

- Loại nhà: Nhà ở riêng lẻ (quán cho thuê)

- Diện tích sử dụng: **178 m<sup>2</sup>**.

- Giá trị: **200.000.000 đồng (xây nhà năm 2018)**

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: **AN462220 UBND quận Dương Kinh cấp ngày 20/10/2012 vào sổ: CNQSD đất 0004.**

- Thông tin khác: **quán cho thuê.**

**2.1.2. Nhà ở thứ hai:**

- Địa chỉ: Số 808 – Phúc Hải – Đa Phúc – Dương Kinh- Hải Phòng.

- Loại nhà: Nhà ở riêng lẻ

- Diện tích sử dụng: **240 m<sup>2</sup>.**

- Giá trị: **750.000.000 đồng (năm 2017)**

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu sử dụng đất: **AN4352510 UBND quận**

**Dương Kinh cấp ngày 12/11/2017 vào sổ: CNQSD đất 0003.**

**2.1.3. Nhà ở thứ ba:**

- Địa chỉ: Số 707 – Phúc Hải – Đa Phúc – Dương Kinh- Hải Phòng.

- Loại nhà: Nhà ở riêng lẻ

- Diện tích sử dụng: **100 m<sup>2</sup>.**

- Giá trị: **300.000 đồng (năm 2019)**

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu sử dụng đất: **AN4652811 UBND quận**

**Dương Kinh cấp ngày 12/11/2019 vào sổ: CNQSD đất 0007.**

- Thông tin khác: **Quán kinh doanh**

2.2. Công trình xây dựng khác: **Không có.**

3. Tài sản khác gắn liền với đất:

3.1. Cây lâu năm: **Không có.**

3.2. Rừng sản xuất: **Không có.**

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất: **Không có.**

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên. **Không có.**

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên. **Không có.**

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): **Không có.**

6.1. Cổ phiếu: **Không có.**

6.2. Trái phiếu: **Không có.**

6.3. Vốn góp: **Không có.**

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác: **Không có.**

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn

máy...): 01 ô tô YARIS CROSS nhãn hiệu TOYOTA trị giá 720.000.000 đồng (Vay ngân hàng hình thức trả góp)

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác): **Không có.**

8. Tài sản ở nước ngoài: **Không có.**

9. Tài khoản ở nước ngoài: **Không có.**

10. Tổng thu nhập giữa 2 lần kê khai: 472.000.000 đồng/năm

- Tổng thu nhập của người kê khai: (từ 31/12/2023 đến 31/12/2024) 600.000 triệu đồng/năm.

- Tổng thu nhập của chồng: 360.000 triệu đồng/năm.

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: 12.000.000.

- Tổng các khoản thu nhập chung: Không

### III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM

| Loại tài sản, thu nhập   | Tăng /giảm       |                           | Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập |
|--|------------------|---------------------------|--|
|  | Số lượng tài sản | Giá trị tài sản, thu nhập |  |
| 1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất   | <b>Không</b>     |                           |  |
| 1.1. Đất ở   |                  |                           |  |
| 1.2. Các loại đất khác   | <b>Không</b>     |                           |  |
| 2. Nhà ở, công trình xây dựng  |                  |                           |  |
| 2.1. Nhà ở   |                  |                           |  |
| 2.2. Công trình xây dựng khác  | <b>Không</b>     |                           |  |
| 3. Tài sản khác gắn liền với đất   |                  |                           |  |
| 3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất  |                  |                           |  |
| 3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất  | <b>Không</b>     |                           |  |
| 4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên                                     | <b>Không</b>     |                           |  |
| 5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại |                  |                           |  |

|   |   |  |
|---|---|--|
| <p>Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.</p> <p>6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):</p> <p>6.1. Cổ phiếu</p> <p>6.2. Trái phiếu</p> <p>6.3. Vốn góp</p> <p>6.4. Các loại giấy tờ có giá khác</p> <p>7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên:</p> <p>7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...).</p> <p>7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác).</p> <p>8. Tài sản ở nước ngoài.</p> <p>9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai.</p> | <p><b>Không</b></p> <p><b>Không</b></p> | <p>- 01 ô tô, YARIS CROSS nhãn hiệu TOYOTA trị giá 720.000.000 đồng (hình thức mua vay ngân hàng trả góp)</p> <p>- Tổng thu nhập của người kê khai: (từ 31/12/2023 đến 31/12/2024) 600.000 triệu đồng/năm.</p> <p>- Tổng thu nhập của chồng: 360.000 triệu đồng/năm.</p> <p>- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: 12.000.000.</p> <p>- Tổng các khoản thu nhập chung: Không</p> |
|---|---|--|

Dương Kinh, ngày 21/11/2024  
**NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI**  
*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)*

  
 Nguyễn Thị Ngọc Ánh

Dương Kinh, ngày 21/11/2024

**NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN**

  
 Trần Thị Thu Thủy